

Số : 738-25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 14 tháng 06 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu:

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
MÔI TRƯỜNG VIỆT TẠI ĐẮK LẮK**

1/ Địa điểm lấy mẫu:

SIÊU THỊ COOPMART BUÔN HỒ

2/ Địa chỉ:

464 đường Hùng Vương, P.An Bình, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk

3/ Thời gian lấy mẫu:

26/05/2025

4/ Mã số mẫu/Loại mẫu:

161-2.25.NT.Nước thải sau hệ thống xử lý

5/ Ký hiệu mẫu:

25-NT-272

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(27,9 ⁰ C)	-	6,26	2÷12	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	KPH	1,5	50	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	KPH	1,0	30	TCVN 6001-1:2021
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	mg/L	148	0÷1.999	500	SOP_HTN05
5	Sunfua*	mg/L	KPH	0,015	1	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	0,055	0,010	5	TCVN 6179-1:1996
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)*	mg/L	6,26	0,015	30	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ , tính theo P)**	mg/L	1,33	0,011	6	TCVN 6202:2008
9	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	KPH	0,3	10	SMEWW 5520.B&F:2023
10	Chất hoạt động bề mặt*	mg/L	KPH	0,012	5	TCVN 6622-1:2009
11	Coliform*	MPN/100mL	1.300	2	3.000	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận; KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Phan Hoàng Nguyên

**THỦ LƯU SỞ
KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
Vũ Thành Tâm****Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

1/1